

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN CHƯA HOÀN THÀNH (ĐH 2015 và CD 2016)
(Tính đến ngày 05/09/2019)**

Khoa: Quản trị kinh doanh

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
				1	2	3	4	5	6	7	
1	CD71704668	Võ Nguyễn Thúy An	0	-	-	-	-	-	-	-	10
2	CD71705197	Phạm Thị Lan Anh	2	-	-	-	-	2	-	-	8
3	CD71701794	Nguyễn Thanh Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	10
4	CD71704788	Lê Phan Hà Đông	2	-	-	-	-	2	-	-	8
5	CD71700626	Lê Minh Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	10
6	CD71704638	Nguyễn Thị Hậu	3	-	-	-	-	3	-	-	7
7	CD71704647	Phạm Minh Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	10
8	CD71704637	Trần Nguyễn Thanh Huyền	0	-	-	-	-	-	-	-	10
9	CD71704737	Huỳnh Yên Kinh	1	-	-	-	-	1	-	-	9
10	CD71701984	Huỳnh Trần Tuyết Lan	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
11	CD71705149	Diệp Yên Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	10
12	CD71702582	Lợi Thiên Nhung	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
13	CD71704657	Nguyễn Thị Như	2	-	-	-	-	2	-	-	8
14	CD71700113	Nguyễn Phạm Trúc Quyên	0	-	-	-	-	-	-	-	10
15	CD71704590	Đinh Thị Bích Thảo	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
16	CD71704790	Đinh Quốc Toàn	0	-	-	-	-	-	-	-	10
17	CD71603589	Huỳnh Lê Ngọc Trâm	0	-	-	-	-	-	-	-	10
18	CD71702289	Lê Ngọc Phương Uyên	0	-	-	-	-	-	-	-	10
19	CD71704672	Lê Võ Thùy Uyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
20	CD71704648	Nguyễn Thị Cẩm Vàng	0	-	-	-	-	-	-	-	10
21	CD71701817	Nguyễn Thanh Xuân	0	-	-	-	-	-	-	-	10
22	CD71704591	Huỳnh Hoa Hải Yên	7	-	-	-	-	7	-	-	3

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
23	CD71703054	Phan Hoàng Bảo	Yến	0	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH71500655	Nguyễn Tiến	Đạt	5	-	-	-	-	5	-	-	10
25	DH71600172	Phan Hồng	Lam	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
26	DH71501057	Đình Nguyễn Bảo	Lâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15
27	DH71600042	Trần Thùy Kim	Loan	2.5	-	1	-	-	1.5	-	-	12.5
28	DH71500503	Nguyễn Dương Thảo	Nhi	2	-	-	-	-	2	-	-	13
29	DH71600173	Trịnh Quỳnh	Như	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
30	DH71501635	Lý Tiểu	Oanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
31	DH71501034	Mai Thị Kim	Sang	0	-	-	-	-	-	-	-	15
32	DH71600245	Phạm Thị Thu	Thùy	11	-	-	-	-	11	-	-	4
33	DH71500928	Phạm Trí	Thức	0	-	-	-	-	-	-	-	15
34	DH71600341	Huỳnh Ngọc	Trâm	11	-	-	-	-	11	-	-	4
35	DH71600383	Vương Thị Mỹ	Trâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15
36	DH71600101	Trần Phương	Trinh	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
37	DH71600064	Huỳnh Thị Hồng	Vân	7	-	-	-	-	7	-	-	8
38	DH71501017	Nguyễn Bảo Anh	Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
39	DH71601960	Nguyễn Thị Lan	Anh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
40	DH71600469	Võ Thị Bích	Cầm	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5
41	DH71600419	Lương Thiện Đức	Duy	14.5	-	-	-	-	14.5	-	-	0.5
42	DH71602486	Lê Thị Ngọc	Giàu	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
43	DH71600409	Nguyễn Thị Bích	Liên	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5
44	DH71602868	Nông Thị	Luyên	11.5	-	-	-	-	11.5	-	-	3.5
45	DH71601516	Võ Thị	Ngọc	3	-	-	-	-	3	-	-	12
46	DH71600583	Đỗ Thị Hoàng	Oanh	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5
47	DH71600578	Tăng Thị Trúc	Quỳnh	6	-	-	-	-	6	-	-	9
48	DH71601969	Hồ Thị Xuân	Thúy	2	-	-	-	-	2	-	-	13

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
80	DH71604127	Nguyễn Kim	Duyên	6	-	-	2	-	4	-	-	9
81	DH71501653	Trần Thị Mỹ	Duyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15
82	DH71602729	Trần Thị Ngân	Hà	4	-	-	-	-	4	-	-	11
83	DH71602717	Trần Quốc	Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15
84	DH71601499	Lâm Gia	Hân	1	-	-	-	-	1	-	-	14
85	DH71601159	Nguyễn Thị Thu	Hiền	1	-	-	-	-	1	-	-	14
86	DH71603478	Đỗ Thị Thanh	Hoa	8	-	-	-	-	8	-	-	7
87	DH71600808	Huỳnh Tấn	Huy	2	-	-	-	-	2	-	-	13
88	DH71601082	Ngô Thị Ngọc	Hương	0	-	-	-	-	-	-	-	15
89	DH71601067	Nguyễn Thanh	Hương	2	-	-	-	-	2	-	-	13
90	DH71601197	Võ Thanh	Long	2	-	-	-	-	2	-	-	13
91	DH71601050	Nguyễn Văn	Nghĩa	2	-	-	-	-	2	-	-	13
92	DH71601547	Đặng Thị Hiền	Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15
93	DH71602869	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15
94	DH71601374	Lê Thúy	Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15
95	DH71602939	Trịnh	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15
96	DH71600534	Cao Hoàng	Quyên	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
97	DH71602665	Nguyễn Ngọc	Son	0	-	-	-	-	-	-	-	15
98	DH71603265	Nguyễn Thái	Son	0	-	-	-	-	-	-	-	15
99	DH71601213	Tăng Nhân	Tâm	2	-	-	-	-	2	-	-	13
100	DH71600137	Nguyễn Thị Bích	Thảo	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
101	DH71601112	Trần Đình	Thế	2	-	-	-	-	2	-	-	13
102	DH71601117	Lê Thị Cẩm	Tiên	6	-	-	2	-	4	-	-	9
103	DH71603369	Nguyễn Thị Quyền	Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15
104	DH71601043	Nguyễn Ngọc	Trình	2	-	-	-	-	2	-	-	13
105	DH71601065	Lê Quang	Trung	2	-	-	-	-	2	-	-	13
106	DH71601145	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15
107	DH71601227	Trần Hoàng Khánh	Vy	13	-	-	2	-	11	-	-	2
108	DH71601055	Lê Vũ Ngọc	Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
109	DH71600196	Nguyễn Nhật Bảo	Diễm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
139	DH71602276	Nguyễn Minh Trúc	Phương	1	-	-	-	-	1	-	-	14
140	DH71603724	Lâm Từ	Quân	5	-	-	-	-	5	-	-	10
141	DH71602171	Nguyễn Phạm Ngọc	Quyên	1	-	-	-	-	1	-	-	14
142	DH71603957	Đinh Thị Phương	Quỳnh	1	-	-	-	-	1	-	-	14
143	DH71601558	Nguyễn Hồng	Son	2	-	-	-	-	2	-	-	13
144	DH71603683	Nguyễn Trương Minh	Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15
145	DH71603343	Dương Nguyễn Anh	Thư	1	-	-	-	-	1	-	-	14
146	DH71601864	Nguyễn Thị Anh	Thư	1	-	-	-	-	1	-	-	14
147	DH71601991	Võ Lâm Hồng	Thương	1	-	-	-	-	1	-	-	14
148	DH71601998	Nguyễn Thị Thùy	Trang	2	-	-	-	-	2	-	-	13
149	DH71603731	Huỳnh Ngọc Bích	Trâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
150	DH71602279	Nguyễn Thị Phương	Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
151	DH71602398	Võ Thị Yên	Trinh	1	-	-	-	-	1	-	-	14
152	DH71601192	Nguyễn Đức	Trọng	2	-	-	-	-	2	-	-	13
153	DH71602278	Roãn Thị Thanh	Trúc	1	-	-	-	-	1	-	-	14
154	DH71604112	Mai Thị Ngọc	Tuyền	1	-	-	-	-	1	-	-	14
155	DH71600706	Trần Lê Ngọc	Cầm	0	-	-	-	-	-	-	-	15
156	DH71600254	Nguyễn Trần Mỹ	Diệu	10.5	-	-	-	-	10.5	-	-	4.5
157	DH71602298	Lê Lâm Mỹ	Duyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15
158	DH71600885	Lưu Mỹ	Duyên	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
159	DH71603838	Nguyễn Đoàn Bảo	Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15
160	DH71600625	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	1	-	-	-	-	1	-	-	14
161	DH71601276	Nguyễn Ngọc	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
162	DH71603703	Huỳnh Thị Ngọc	Hương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
163	DH71600670	Cao Hoàng Trúc	Linh	1	-	-	-	-	1	-	-	14
164	DH71603085	Nguyễn Thị	Linh	6	-	-	-	-	6	-	-	9
165	DH71600282	Nguyễn Thị Hồng	Màu	1	-	-	-	-	1	-	-	14
166	DH71600145	Trần Nguyễn Khánh	Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15
167	DH71600400	Nguyễn Tâm Minh	Nguyệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15
168	DH71603664	Lê Thị Tiết	Nhi	3	-	-	-	1	2	-	-	12
169	DH71600053	Nguyễn Phan Tuyết	Nhi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
170	DH71600075	Võ Huỳnh Khánh	Như	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
171	DH71600475	Ngô Thị Hồng	Oanh	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
205	DH71601649	Huỳnh Thanh	Nguyệt	5	-	-	-	-	5	-	-	10
206	DH71603952	Lê Hoàng	Nha	0	-	-	-	-	-	-	-	15
207	DH71601130	Huỳnh Thị Uyên	Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15
208	DH71601439	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15
209	DH71601423	Lê Minh	Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15
210	DH71602925	Lê Huỳnh	Phát	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
211	DH71601624	Trần Thanh	Phong	4	-	-	-	-	4	-	-	11
212	DH71601854	Lê Thị Kim	Phương	3	-	-	-	-	3	-	-	12
213	DH71601387	Nguyễn Thanh	Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15
214	DH71601215	Nguyễn Thụy Trúc	Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15
215	DH71601353	Võ Trúc	Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15
216	DH71600213	Châu Lập	Quốc	8	-	-	-	-	8	-	-	7
217	DH71604167	Nguyễn Huỳnh	Tân	0	-	-	-	-	-	-	-	15
218	DH71601048	Huỳnh Trọng	Tấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15
219	DH71601646	Nguyễn Thị	Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15
220	DH71601699	Trần Bé	Thảo	1	-	-	-	-	1	-	-	14
221	DH71601874	Nguyễn Hoàng	Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15
222	DH71601616	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
223	DH71604045	Trịnh Thị Cẩm	Thy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
224	DH71601329	Nguyễn Thanh	Toàn	0	-	-	-	-	-	-	-	15
225	DH71601691	Trần Thị Thanh	Tuyền	3.5	-	-	-	1	2.5	-	-	11.5
226	DH71601877	Trần Thụy Kim	Uyên	2	-	-	-	-	2	-	-	13
227	DH71601544	Nguyễn Khang Lan	Vy	3	-	-	-	-	3	-	-	12
228	DH71603382	Nguyễn Thị Quỳnh	Vy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
229	DH71601216	Lê Vũ Xuân	Vỹ	8	-	-	-	-	8	-	-	7
230	DH71602889	Lê Nguyễn Thảo	Anh	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5
231	DH71602840	Lê Nhật	Anh	2	-	-	-	-	2	-	-	13
232	DH71600775	Nguyễn Thị Xuân	ánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
233	DH71601171	Đoàn Thanh	Dễ	0	-	-	-	-	-	-	-	15
234	DH71602836	Hoàng Kỳ	Duyên	2	-	-	-	-	2	-	-	13
235	DH71602719	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	3	-	-	-	-	3	-	-	12

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
267	DH71602383	Dương Thị Thanh	Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15
268	DH71601997	Lê Thị Thanh	Hiền	1	-	-	-	-	1	-	-	14
269	DH71601573	Nguyễn Minh	Hoàng	5	-	-	-	-	5	-	-	10
270	DH71601982	Trần Thanh	Huy	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5
271	DH71600556	Trần Thế	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
272	DH71601644	Phan Trần Thị Mỹ	Huyền	3	-	-	-	-	3	-	-	12
273	DH71604152	Bùi Lê Cẩm	Hương	0	-	-	-	-	-	-	-	15
274	DH71601871	Trần Nhật	Lệ	9	-	-	-	-	9	-	-	6
275	DH71602088	Huỳnh Ngọc Khánh	Nghi	0	-	-	-	-	-	-	-	15
276	DH71601719	Nguyễn Thành	Ngọc	1	-	-	-	-	1	-	-	14
277	DH71602422	Phạm Thị Hồng	Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15
278	DH71601759	Lê Thái Yên	Nhi	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
279	DH71600094	Lê Nguyễn Minh	Nhật	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
280	DH71600049	Lê Thị Thái	Phụng	0	-	-	-	-	-	-	-	15
281	DH71602217	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15
282	DH71601905	Đặng Thị Mỹ	Tâm	4	-	-	-	-	4	-	-	11
283	DH71600696	Nguyễn Quốc	Tân	2	-	-	-	-	2	-	-	13
284	DH71600561	Cao Thị Thu	Thảo	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5
285	DH71602201	Trương Ngọc Thu	Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15
286	DH71602397	Lê Thị Kim	Thoại	0	-	-	-	-	-	-	-	15
287	DH71601924	Trần Ngọc Minh	Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15
288	DH71601636	Trần Thị Anh	Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15
289	DH71602063	Nguyễn Quỳnh Lam	Thy	6	-	-	-	-	6	-	-	9
290	DH71601230	Nguyễn Thị Phương	Thy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
291	DH71600617	Huỳnh Minh	Tiến	2	-	-	-	-	2	-	-	13
292	DH71602418	Trần Thị Thu	Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15
293	DH71602379	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
294	DH71601269	Lê Hoàng Anh	Tuấn	2	-	-	-	-	2	-	-	13
295	DH71602447	Lê Thị Bé	Ty	0	-	-	-	-	-	-	-	15
296	DH71602051	Lê Quốc	Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15
297	DH71601405	Lưu Hoàng Tuấn	Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
				1	2	3	4	5	6	7	
391	DH71600217	Chung Thị Tú	2	-	-	-	-	2	-	-	13
392	DH71603884	Nguyễn Thị Phương Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15
393	DH71600059	Nguyễn Thị Thúy Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
394	DH71602305	Trần Thy Thảo Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
395	DH71600443	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	1	-	-	-	-	1	-	-	14
396	DH71601323	Thái Mỹ ý	1	-	-	-	-	1	-	-	14
397	DH71602639	Trần Thị Hải Yến	0	-	-	-	-	-	-	-	15

Tổng số SV: 397

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Chiến dịch tình nguyện
- 2: Bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

Người lập bảng

Đã ký

KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 06 năm 2020

Phụ trách phòng công tác Sinh viên

Đã ký

ThS. Lê Thị Phương Hằng